

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4889/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý
của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 5034/STP-KSTT ngày 22 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Sở Tư pháp dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính theo danh mục được phê duyệt tại Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4889/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP:

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I. LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP				
1	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2 cho cá nhân.	<ul style="list-style-type: none">- Khoản 1 Điều 7; điểm a, b khoản 1, Điều 41; khoản 2 Điều 44; khoản 1, 2, 3 Điều 45; khoản 2 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Luật Lý lịch tư pháp 2009;- Điều 6 của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP;- Khoản 3, Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP;- Điều 1, 2, 3 của Thông tư số 174/2011/TT-BTC;- Điều 19 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP;- Mục I, Phần B, Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2015.	Sở Tư pháp	
2	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.	<ul style="list-style-type: none">- Khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 1, Điều 41; khoản 4 Điều 45; khoản 1 Điều 48 Luật Lý lịch tư pháp 2009;- Khoản 3, Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP;- Điều 19 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP;		
3	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp số 2 theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.	- Khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 1, Điều 41; Khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 48 Luật Lý lịch tư pháp - Khoản 3, Điều 2 của Thông tư số 16/2013/TT-BTP; - Điều 19 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP;	Sở Tư pháp	
II. LĨNH VỰC HỘ TỊCH				
4	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	- Điều 49, 50 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Thông tư 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
5	Thủ tục Đăng ký cấp lại bản chính Giấy khai sinh có yếu tố nước ngoài	- Điều 62, 63 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 18, Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
6	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	- Khoản 1, 2, Điều 19, Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP; - Điều 6, 7, 8 Thông tư 2a/2015/TT-BTP; - Thông tư số 189/2012/TT-BTC.	UBND Thành phố; Sở Tư pháp	
7	Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	- Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Điều 51, 52 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP;	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		- Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.		
8	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	- Điều 30, 31, 32, 33, 34 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP; - Điều 12 Thông tư số 2a/2015/TT-BTP; - Thông tư số 189/2012/TT-BTC.	Sở Tư pháp	
9	Thủ tục Đăng ký việc giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Điều 53, 54 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
10	Thủ tục Đăng ký việc chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Điều 54 Mục 3 Chương III Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
11	Thủ tục Giải quyết cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi người nước ngoài theo thủ tục xin đích danh (đã xác định được trẻ em).	- Luật nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.	Bộ Tư pháp Sở Tư pháp	
12	Thủ tục Giải quyết cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi người nước ngoài theo thủ	- Luật nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.	Bộ Tư pháp Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	tục xin không đích danh (chưa xác định được trẻ em).			
13	Thủ tục Đăng ký lại việc tử có yếu tố nước ngoài	- Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Khoản 3, Điều 48, Điều 59 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
14	Thủ tục Đăng ký lại việc sinh có yếu tố nước ngoài	- Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Khoản 3, Điều 48, Điều 59 Nghị định số 158/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
15	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	- Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Khoản 3, Điều 48, Điều 59 Nghị định số 158/2008/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
16	Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	- Luật nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP. - Thông tư số 24/2014/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
17	Thủ tục người nước ngoài thường trú tại	- Luật nuôi con nuôi;	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	Việt Nam đăng ký nhận nuôi con nuôi	- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP.		
18	Thủ tục Cấp bản sao giấy tờ Hộ tịch từ sổ hộ tịch	- Điều 60, 61 Nghị định số 158/2008/NĐ-CP; - Khoản 19, Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP; - Điều 4, 16, 17 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
19	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch các việc kết hôn của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	- Luật Hôn nhân gia đình 2014 - Nghị định 158/2005/NĐ-CP - Điều 36, 37, 38, 39 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP; - Điều 10 Thông tư số 2a/2015/TT-BTP	Sở Tư pháp	
20	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc nhận cha mẹ con của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Luật Hôn nhân gia đình 2014 - Điều 37, 40 Nghị định 126/2014/NĐ-CP; - Điều 12 Thông tư 2a/2015/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
21	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	- Luật nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
22	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc sinh của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	- Nghị định số 126/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 2a/2015/TT-BTP;	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
23	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài	- Luật Hôn nhân gia đình 2014; - Điều 41 – 46 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP; - Điều 11 Thông tư số 2a/2015/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
24	Thủ tục Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch có yếu tố nước ngoài	Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP.	Sở Tư pháp	
25	Thủ tục Đăng ký hoạt động của Trung tâm hỗ trợ kết hôn	- Luật Hôn nhân gia đình 2014; - Điều 54 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 2a/2015/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
26	Thủ tục Thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hỗ trợ kết hôn	- Luật Hôn nhân gia đình 2014; - Điều 56 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 2a/2015/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
27	Thủ tục Chấm dứt hoạt động của Trung tâm hỗ trợ kết hôn	- Luật Hôn nhân gia đình 2014; - Điều 57 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 2a/2015/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
28	Ghi vào sổ hộ tịch việc hủy kết hôn trái pháp luật đã được giải quyết ở nước ngoài	- Luật Hôn nhân gia đình 2014 - Điều 41 - 47 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP; - Điều 11 Thông tư 2a/2015/TT-BTP.	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
29	Thành lập Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân gia đình 2014 - Điều 53 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP; - Điều 14 Thông tư số 2a/2015/TT-BTP. 	Sở Tư pháp	
30	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân gia đình 2014; - Điều 53 -54 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP. 	Sở Tư pháp	
31	Thủ tục Đăng ký thay đổi giám hộ có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 54 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP. 	Sở Tư pháp	
32	Thủ tục Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch cho người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Điều 60, 61 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP; - Điều 4, 6, 17 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP. 	Sở Tư pháp	
33	Thủ tục Cấp bản chính giấy khai sinh cho người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Điều 64 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP; - Điều 4, 6, 17 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP; - Thông tư số 03/2008/TT-BTP. 	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
34	Thủ tục Ghi chú vào sổ khai sinh việc thông báo có quốc tịch nước ngoài	- Điều 21 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP; - Điều 15 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA; - Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
35	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của người được nhập quốc tịch Việt Nam	- Điều 23 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA; - Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
36	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của người được trở lại quốc tịch Việt Nam	- Điều 23 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA; - Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
37	Thủ tục Ghi chú vào sổ hộ tịch việc thôi quốc tịch Việt Nam	- Điều 25 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA; - Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA;	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		- Thông tư số 08/2010/TT-BTP.		
38	Thủ tục kết hợp: Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài và Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	- Điều 49, 50 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Thông tư 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP. - Điều 30, 31, 32, 33, 34 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP; - Điều 12 Thông tư số 2a/2015/TT-BTP; - Thông tư số 189/2012/TT-BTC.	Sở Tư pháp	
III. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH				
39	Thủ tục xin nhập quốc tịch Việt Nam	- Điều 19, 20, 21 Luật Quốc tịch năm 2008; - Điều 5, 6, 7 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP; - Khoản 1, 2, 3 Điều 2; Điều 3; Điều 4; Điều 5 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP; - Thông tư số 146/2009/TT-BTC; - Thông tư số 135/2010/TT-BTC.	Sở Tư pháp	
40	Thủ tục xin thôi quốc tịch Việt Nam	- Điều 27, 28, 29 và 30 Luật Quốc tịch năm 2008; - Điều 12, 13, 14, và 15 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP; - Điều 2, 3, 4, 5, 6 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA; - Nghị định số 97/2014/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 08/2010/TT-BTP; - Thông tư số 146/2009/TT-BTC; - Thông tư số 135/2010/TT-BTC. 		
41	Thủ tục xin trở lại quốc tịch Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 23, 24, 25 Luật Quốc tịch năm 2008; - Điều 9, 10, 11 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP; - Nghị định số 97/2014/NĐ-CP; - Điều 2, 3, 4, 5, 6 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP; - Thông tư số 146/2009/TT-BTC; - Thông tư số 135/2010/TT-BTC; 	Sở Tư pháp	
42	Thủ tục xác nhận có quốc tịch Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch năm 2008; - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP; - Nghị định số 97/2014/NĐ-CP; - Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA; - Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA. 	Sở Tư pháp	
43	Thủ tục xác nhận là người gốc Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch năm 2008; - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP; - Nghị định số 97/2014/NĐ-CP; - Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA; 	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA.		
44	Thủ tục thông báo có quốc tịch nước ngoài	- Luật Quốc tịch năm 2008 ; - Điều 21 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP; - Nghị định số 97/2014/NĐ-CP; - Điều 11 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA.	Sở Tư pháp	
45	Thủ tục xin nhập quốc tịch Việt Nam đối với người không quốc tịch đã cư trú ổn định tại Việt Nam	- Điều 22 Luật Quốc tịch năm 2008; - Điều 8 Nghị định 78/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA; - Thông tư 08/2010/TT-BTP; - Thông tư số 146/2009/TT-BTC; - Thông tư số 135/2010/TT-BTC.	Sở Tư pháp	
IV. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ				
46	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Điều 15 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
47	Thủ tục Thay đổi nội dung đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Điều 16 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
48	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp	
49	Thủ tục công nhận, cấp thẻ cộng tác viên	- Điều 20, Điều 22 Luật Trợ giúp pháp lý;	- Sở Tư pháp;	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	trợ giúp pháp lý	- Điều 27 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP; - Điều 2 Nghị định số 05/2012/NĐ-CP; - Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư số 07/2012/TT-BTP;	- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.	
50	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 07/2012/TT-BTP;	- Sở Tư pháp; - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.	
51	Thủ tục chấm dứt hợp đồng cộng tác và thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	- Khoản 2, Khoản 3 Điều 29, Điều 30 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP; - Khoản 3 Điều 7, Điều 10 Thông tư số 07/2012/TT-BTP.	- Sở Tư pháp; - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.	
V. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT				
52	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật Thành phố	- Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; - Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư 21/2013/TT-BTP; - Điều 6 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND.	- UBND Thành phố; - Sở Tư pháp.	
53	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật Thành phố	- Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; - Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư 21/2013/TT-BTP; - Điều 7 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND	- UBND Thành phố; - Sở Tư pháp.	
VI. LĨNH VỰC LUẬT SƯ				

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
54	Thủ tục Đăng ký hoạt động tổ chức hành nghề luật sư	- Điều 32, Điều 35 Luật Luật sư; - Điều 7, Điều 8 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 176/2012/TT-BTC; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
55	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh, luật sư hành nghề tư cách cá nhân	- Điều 32, 36 Luật Luật sư; - Thông tư số 176/2012/TT-BTC; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
56	Thủ tục Đăng ký hoạt động chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư	- Điều 41 Luật Luật sư; - Điều 10 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Điều 9 Thông tư số 17/2011/TT-BTP; - Thông tư số 176/2012/TT-BTC; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
57	Thủ tục Thành lập văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư	- Điều 42 Luật Luật sư; - Điều 10 Thông tư số 17/2011/TT-BTP; - Thông tư số 176/2012/TT-BTC;	Sở Tư pháp	
58	Thủ tục Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Điều 45 Luật Luật sư Điều 15 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ Điều 8 Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp	
59	Thủ tục Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	- Điều 45 Luật Luật sư - Điều 14 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Điều 8 Thông tư số 17/2011/TT-BTP;	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
60	Thủ tục Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	- Điều 49, Điều 50 Luật Luật sư; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
61	Thủ tục Đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài; công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.	- Điều 79 Luật Luật sư - Thông tư số 02/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012;	Sở Tư pháp	
62	Thủ tục Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	- Điều 81 Luật Luật sư - Điều 37 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2012/TT-BTC; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
63	Thủ tục Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	- Điều 79 Luật Luật sư - Điều 21 Thông tư số 17/2011/TT-BTP; - Thông tư số 02/2012/TT-BTC;	Sở Tư pháp	
64	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài	- Điều 80 Luật Luật sư - Điều 36 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2012/TT-BTC;	Sở Tư pháp	
65	Thủ tục Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	- Điều 32, Điều 36 Luật Luật sư - Điều 11 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Điều 7 Thông tư số 17/2011/TT-BTP; - Thông tư số 176/2012/TT-BTC; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
66	Thủ tục Thay đổi người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	- Điều 32, Điều 36 Luật Luật sư - Điều 11 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Điều 7 Thông tư số 17/2011/TT-BTP;	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		- Thông tư số 176/2012/TT-BTP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP;		
67	Thủ tục Chấm dứt hoạt động Tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề tư cách cá nhân	- Điều 47, Điều 50 Luật Luật sư; - Điều 17 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Điều 11 Thông tư số 17/2011/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
68	Thủ tục Hợp nhất công ty luật	- Điều 45 Luật Luật sư; - Điều 12 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
69	Thủ tục Sáp nhập công ty luật	- Điều 45 Luật Luật sư; - Điều 13 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
70	Thủ tục Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Điều 34 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
71	Thủ tục Tạm ngừng hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Điều 38 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
72	Thủ tục Báo cáo Sở Tư pháp, Đoàn luật sư về việc tập sự hành nghề luật sư của người tập sự tại tổ chức hành nghề luật sư	Điều 16 Thông tư số 19/2013/TT-BTP	- Sở Tư pháp; - Đoàn Luật sư.	
73	Thủ tục Thông báo việc thuê luật sư nước ngoài làm việc cho tổ chức hành nghề luật sư	Điều 16 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
74	Thủ tục Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động thuê luật sư nước ngoài làm việc	Điều 16 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	cho tổ chức hành nghề luật sư	14/10/2013 của Chính phủ		
75	Thủ tục Cung cấp thông tin về tổ chức hành nghề luật sư.	Điều 37 Luật Luật sư	Sở Tư pháp	
76	Thủ tục Báo cáo về việc tạm ngừng hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Điều 46 Luật Luật sư	Sở Tư pháp	
77	Thủ tục Chấm dứt hoạt động chi nhánh và văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư	Điều 48 Luật Luật sư	Sở Tư pháp	
78	Thủ tục Chấm dứt hoạt động chi nhánh và văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư	Điều 48 Luật Luật sư	Sở Tư pháp	
79	Thủ tục Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư/giấy đăng ký hành nghề của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân (trong trường hợp giấy bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy)	Điều 37 Luật Luật sư	Sở Tư pháp	
80	Thủ tục Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư/ giấy đăng ký hành nghề của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân (trong trường hợp giấy bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy)	Điều 37 Luật Luật sư	Sở Tư pháp	
81	Thủ tục Cấp Chứng chỉ hành nghề Luật	Điều 17 Luật luật sư	- Bộ Tư pháp;	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	sur trường hợp phải qua tập sự		- Sở Tư pháp; - Đoàn Luật sư.	
82	Thủ tục Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trường hợp không phải qua tập sự	Điều 17 Luật luật sư	- Bộ Tư pháp; - Sở Tư pháp; - Đoàn Luật sư.	
83	Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư (trường hợp Chứng chỉ bị thu hồi)	Điều 17, Điều 19 Luật luật sư	- Bộ Tư pháp; - Sở Tư pháp; - Đoàn Luật sư.	
84	Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư (trường hợp Chứng chỉ bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý)	Điều 17, Điều 19 Luật luật sư Điều 4 Thông tư số 17/2011/TT-BTP	- Bộ Tư pháp; - Sở Tư pháp; - Đoàn Luật sư.	
VII. LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI				
85	Thủ tục Đề nghị bổ nhiệm Thừa phát lại;	Điều 10, 11, 12 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP.	- Bộ Tư pháp; - Sở Tư pháp.	
86	Thủ tục Đề nghị miễn nhiệm Thừa phát lại theo nguyện vọng;	Điều 10, 13 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP.	- Bộ Tư pháp; - Sở Tư pháp.	
87	Thủ tục Đề nghị cấp thẻ Thừa phát lại;	Điều 13 Thông tư số 12/2014/TT-BTP.	- Bộ Tư pháp;	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
			- Sở Tư pháp.	
88	Thủ tục Thành lập Văn phòng Thừa phát lại;	Điều 15, 16, 17 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP.	- UBND Thành phố; - Sở Tư pháp.	
89	Thủ tục Đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại;	Điều 18 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP.	Sở Tư pháp	
90	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại;	Điều 18 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP.	Sở Tư pháp	
91	Thủ tục Cấp lại thẻ Thừa phát lại	Điều 13, Thông tư số 12/2014/TT-BTP.	- Bộ Tư pháp; - Sở Tư pháp;	
92	Thủ tục Thu hồi thẻ Thừa phát lại	Điều 13, Thông tư số 12/2014/TT-BTP.	- Bộ Tư pháp; - Sở Tư pháp;	
VIII. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP				
93	Thủ tục thành lập Văn phòng Giám định Tư pháp	- Điều 15, Điều 16 Luật Giám định tư pháp; - Điều 13 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
94	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng Giám định Tư pháp	- Điều 17 Luật Giám định tư pháp; - Điều 14 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 176/2012/TT-BTC;	Sở Tư pháp	
95	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt	- Luật Giám định tư pháp;	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	động của Văn phòng Giám định Tư pháp	- Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 176/2012/TT-BTC;		
96	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng Giám định Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp; - Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 176/2012/TT-BTC;	Sở Tư pháp	
97	Thủ tục thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng Giám định Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp; - Khoản 1, Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
98	Thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng Giám định Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp; - Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 176/2012/TT-BTC;	Sở Tư pháp	
99	Thủ tục chuyển đổi loại hình Văn phòng Giám định Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp; - Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
100	Thủ tục đăng ký chuyển đổi loại hình Văn phòng Giám định Tư pháp	- Luật Giám định tư pháp; - Khoản 4, Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 176/2012/TT-BTC;	Sở Tư pháp	
101	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	- Luật Giám định tư pháp; - Điều 21 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 176/2012/TT-BTC;	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
IX. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI				
102	Thủ tục đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	- Điều 25 Luật Trọng tài thương mại; - Điều 5, Điều 8 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP; - Thông tư số 42/2013/TT-BTC;	Sở Tư pháp	
103	Thủ tục Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm Trọng tài	- Khoản 3 Điều 27 Luật Trọng tài thương mại; - Điều 5, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP; - Thông tư số 42/2013/TT-BTC;	Sở Tư pháp	
104	Thủ tục đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	- Điều 75 Luật Trọng tài thương mại; - Điều 5, Điều 22 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP; - Thông tư số 42/2013/TT-BTC;	Sở Tư pháp	
105	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	- Luật Trọng tài thương mại; - Điều 12 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP; - Thông tư số 42/2013/TT-BTC;	Sở Tư pháp	
106	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt	- Điều 75 Luật Trọng tài thương mại; - Điều 11, Điều 23 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP;	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	Nam	- Thông tư số 42/2013/TT-BTC;		
107	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	- Luật Trọng tài thương mại; - Khoản 1, Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
108	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện	- Luật Trọng tài thương mại; - Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
109	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	- Luật Trọng tài thương mại; - Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
110	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	- Luật Trọng tài thương mại; - Khoản 1, Khoản 2, Điều 24 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
111	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	- Luật Trọng tài thương mại; - Khoản 4 Điều 22 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
112	Thông báo thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Luật Trọng tài thương mại; - Khoản 4 Điều 23 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
113	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở	- Luật Trọng tài thương mại;	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	- Khoản 4 Điều 23 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;		
114	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	- Luật Trọng tài thương mại; - Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
115	Thông báo thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	- Luật Trọng tài thương mại; - Điều 10, Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
X. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG				
116	Thủ tục Thành lập Văn phòng công chứng	Điều 23 Luật Công chứng năm 2014	- UBND Thành phố; - Sở Tư pháp.	
117	Thủ tục Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	- Điều 79 Luật Công chứng năm 2014 - Khoản 3 Điều 34 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2015/TT-BTP;	- UBND Thành phố; - Sở Tư pháp.	
118	Thủ tục Hợp nhất Văn phòng công chứng	- Điều 28 Luật Công chứng năm 2014 - Điều 13 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP;	- UBND Thành phố; - Sở Tư pháp.	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
119	Thủ tục Sáp nhập Văn phòng công chứng	- Điều 28 Luật Công chứng năm 2014; - Điều 14 Nghị định 29/2015/NĐ-CP;	- UBND Thành phố; - Sở Tư pháp.	
120	Thủ tục Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	- Điều 29 Luật Công chứng năm 2014; - Điều 15 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP;	- UBND Thành phố; - Sở Tư pháp.	
121	Thủ tục Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	- Điều 23 Luật Công chứng năm 2014; - Điều 15 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP;	Sở Tư pháp	
122	Thủ tục Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Điều 23, 24 Luật Công chứng năm 2014	Sở Tư pháp	
123	Thủ tục Tự chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng	Điều 31 Luật Công chứng năm 2014	- UBND Thành phố; - Sở Tư pháp.	
124	Thủ tục Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng	- Điều 11 Luật Công chứng năm 2014 - Điều 4 Thông tư số 04/2015/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
125	Thủ tục Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	- Điều 11 Luật Công chứng năm 2014 - Điều 2 Thông tư 04/2015/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
126	Thủ tục Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Điều 6 Thông tư 04/2015/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
127	Thủ tục Đăng ký kiểm tra tập sự hành	- Điều 11 Luật Công chứng năm 2014	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	ngành công chứng	- Thông tư 04/2015/TT-BTP;		
128	Thủ tục Bổ nhiệm công chứng viên	- Điều 12, Điều 13 Luật Công chứng năm 2014 - Điều 3, 28 Thông tư số 06/2015/TT-BTP;	- Bộ Tư pháp; - Sở Tư pháp.	
129	Thủ tục Bổ nhiệm lại công chứng viên	- Điều 8, 12, 15, Điều 16 Luật Công chứng năm 2014 - Điều 28 Thông tư số 06/2015/TT-BTP;	- Bộ Tư pháp; - Sở Tư pháp.	
130	Thủ tục Miễn nhiệm công chứng viên	- Điều 15 Luật Công chứng năm 2014 - Điều 28 Thông tư số 06/2015/TT-BTP;	- Bộ Tư pháp; - Sở Tư pháp.	
131	Thủ tục Cấp thẻ công chứng viên	Điều 35 Luật Công chứng năm 2014	Sở Tư pháp	
132	Thủ tục Cấp lại thẻ công chứng viên	- Điều 36 Luật Công chứng năm 2014; - Điều 28 Thông tư số 06/2015/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
133	Thủ tục Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng	- Điều 11 Luật Công chứng 2014 - Điều 8 Thông tư 04/2015/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
134	Thủ tục Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	Điều 11, 12 Thông tư 04/2015/TT-BTP	Sở Tư pháp	
135	Thủ tục Báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng	Điều 13 Thông tư 04/2015/TT-BTP	Sở Tư pháp	
136	Thủ tục Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	Điều 35 Luật Công chứng 2014	Sở Tư pháp	
137	Thủ tục Thông báo về việc mua bảo hiểm	Điều 37 Luật Công chứng 2014	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên			
XI. LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT				
138	Thủ tục Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	- Khoản 1 Điều 4 Nghị định 05/2012/NĐ-CP; - Điều 5 Thông tư 01/2010/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
139	Thủ tục Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	- Khoản 1 Điều 14 Nghị định 05/2012/NĐ-CP; - Điều 6 Thông tư 01/2010/TT-BTP; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
140	Thủ tục Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	- Điều 15 Nghị định 77/2008/NĐ-CP; - Điều 7 Thông tư 01/2010/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
141	Thủ tục Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	- Khoản 1, 2 Điều 16 Nghị định 77/2008/NĐ-CP; - Điều 11 Thông tư 01/2010/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
142	Thủ tục Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	- Điều 20 Nghị định 77/2008/NĐ-CP; - Điều 15, 16 Thông tư 01/2010/TT-BTP; - Khoản 2, Điều 4 Nghị định 05/2012/NĐ-CP; - Khoản 1 Điều 3 Thông tư 19/2011/TT-BTP;	Sở Tư pháp	
143	Thủ tục Thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật	- Điểm a, khoản 2, Điều 20 Nghị định 77/2008/NĐ-CP; - Điều 15 Thông tư 01/2010/TT-BTP;	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
XII. LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN				
144	Thủ tục Đăng ký danh sách đấu giá viên	Điều 5 Thông tư số 23/2010/TT-BTP.	Sở Tư pháp	
XIII. LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN				
145	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
146	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
147	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
148	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	Điều 11 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
149	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Điều 12 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
150	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Điều 15 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
151	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Điều 15 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
152	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý	Khoản 1, Khoản 5, Khoản 6 Điều 20 Nghị định số	Sở Tư pháp	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	tài sản đối với Quản tài viên	22/2015/NĐ-CP		
153	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Khoản 2, Khoản 5, Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
154	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
155	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP	Sở Tư pháp	
156	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP	Sở Tư pháp	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CƠ QUAN KHÁC

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ				
1	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	- Điều 5, Điều 10, Điều 26, Điều 33, Điều 34 Luật Trợ giúp pháp lý; - Khoản 1 Điều 1 Thông tư 19/2011/TT-BTP; - Tiêu mục 3, 4, 5, Mục I Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP.	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	
2	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	- Khoản 2 Điều 11 Luật Trợ giúp pháp lý - Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 19/2011/TT-BTP;	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	
3	Thủ tục ký kết hợp đồng cộng tác viên	- Điều 28 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP; - Điều 8 Thông tư số 07/2012/TT-BTP;	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước	
4	Thủ tục thay đổi, bổ sung hợp đồng cộng tác	Điều 9 Thông tư số 07/2012/TT-BTP.	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước	
II. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM				
5	Thủ tục Đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai lần đầu	Khoản 1 Điều 3; Điều 4; Điều 6; Điều 7; Điều 16; Điều 17; Điều 19 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP-BTNMT;	Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố và các chi	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
			nhánh	
6	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	Điều 20 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP –BTNMT;	Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố và các chi nhánh	
7	Thủ tục Yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của cơ quan đăng ký	Điều 14, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 27 Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT;	Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố và các chi nhánh	
8	Thủ tục Đăng ký xóa đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	Điều 22 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP-BTNMT;	Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố và các chi nhánh	
9	Thủ tục Xóa đăng ký thế chấp	Điều 16 Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT;	Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố và các chi nhánh	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
10	Thủ tục Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là nhà ở hình thành trong tương lai	Điều 23 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP-BTNMT;	Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố và các chi nhánh	
11	Thủ tục Chuyển tiếp đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	Khoản 6 Điều 3, Điều 24, Điều 26 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP-BTNMT;	Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố và các chi nhánh	
12	Thủ tục Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Điều 10 Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT;	Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố và các chi nhánh	
13	Thủ tục Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất	Điều 12 Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT;	Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố và các chi nhánh	
14	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	Điều 14, Điều 20 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP-BTNMT;	Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố và các chi nhánh	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
15	Thủ tục Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	Điều 15 Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT;	Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố và các chi nhánh	
16	Thủ tục Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Nghị định số 83/2010/NĐ-CP.	Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố và các chi nhánh	
III. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG				
17	Thủ tục Công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Điều 167 Luật Đất đai	Các tổ chức hành nghề công chứng	
18	Thủ tục Công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất	Điều 167 Luật Đất đai	Các tổ chức hành nghề công chứng	
19	Thủ tục Công chứng Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp	Điều 167 Luật Đất đai	Các tổ chức hành nghề công chứng	
20	Thủ tục Công chứng Hợp đồng mua bán nhà	Điều 122 Luật Nhà ở 2014	Các tổ chức hành nghề công chứng	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
21	Thủ tục Công chứng Hợp đồng tặng cho nhà	Điều 122 Luật Nhà ở 2014	Các tổ chức hành nghề công chứng	
22	Thủ tục Công chứng Hợp đồng đổi nhà	Điều 122 Luật Nhà ở 2014	Các tổ chức hành nghề công chứng	
23	Thủ tục Công chứng văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở (trong dự án phát triển nhà ở, dự án khu đô thị mới, dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng)	Điều 63 Nghị định 71/2010/NĐ-CP; Điều 20 Thông tư 16/2010/TT-BXD.	Các tổ chức hành nghề công chứng	
24	Thủ tục Công chứng Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất	Điều 167 Luật Đất đai	Các tổ chức hành nghề công chứng	
25	Thủ tục Công chứng Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất	Điều 167 Luật Đất đai	Các tổ chức hành nghề công chứng	
26	Thủ tục Công chứng Hợp đồng cho thuê nhà	Điều 122 Luật Nhà ở 2014	Các tổ chức hành nghề công chứng	
27	Thủ tục Công chứng Hợp đồng cho mượn nhà	Điều 122 Luật Nhà ở 2014	Các tổ chức hành nghề công chứng	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
28	Thủ tục Công chứng Hợp đồng cho ở nhờ	Điều 122 Luật Nhà ở 2014	Các tổ chức hành nghề công chứng	
29	Thủ tục Công chứng Hợp đồng thế chấp tàu biển, tàu bay	- Điều 33, 34, 35 Bộ Luật hàng hải năm 2005; - Điều 32 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006.	Các tổ chức hành nghề công chứng	
30	Thủ tục Công chứng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất	- Điều 167 Luật Đất đai, - Điều 54 Luật Công chứng; - Điều 9 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP	Các tổ chức hành nghề công chứng	
31	Thủ tục Công chứng Hợp đồng thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	- Điều 3, 4, 6, 7, 16, 17, 18, 19 Thông tư liên tịch 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP-BTNMT; - Điều 9, Điều 10 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP;	Các tổ chức hành nghề công chứng	
32	Thủ tục Công chứng Hợp đồng thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai đối với nhà ở không thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	- Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Thông tư liên tịch 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT; - Điều 9, Điều 10 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP;	Các tổ chức hành nghề công chứng	
33	Thủ tục Công chứng hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng	- Mục 2 Thông tư số 08/2014/TT; - Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP; - Điều 9 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP;	Các tổ chức hành nghề công chứng	
34	Công chứng Hợp đồng thế chấp bằng tài	- Điều 361 Bộ luật dân sự	Các tổ chức	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	sản của bên thứ ba	- Điều 9 Nghị định 163/2006/NĐ-CP	hành nghề công chứng	
35	Thủ tục Công chứng hợp đồng cầm cố tài sản	- Điều 327 Bộ luật dân sự; - Điều 9 Nghị định 163/2006/NĐ-CP.	Các tổ chức hành nghề công chứng	
36	Thủ tục Công chứng Hợp đồng góp vốn	Điều 167 Luật Đất đai.	Các tổ chức hành nghề công chứng	
37	Thủ tục Công chứng Hợp đồng hợp tác kinh doanh	Điều 3 Luật Đầu tư.	Các tổ chức hành nghề công chứng	
38	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng	Điều 47 Luật Hôn nhân và gia đình.	Các tổ chức hành nghề công chứng	
39	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng	Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình.	Các tổ chức hành nghề công chứng	
40	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung của vợ chồng	Điều 46 Luật Hôn nhân và gia đình.	Các tổ chức hành nghề công chứng	
41	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực của việc chia tài sản	Điều 41 Luật Hôn nhân và gia đình	Các tổ chức hành nghề	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	chung của của vợ chồng		công chứng	
42	Thủ tục Công chứng văn bản phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn	Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình	Các tổ chức hành nghề công chứng	
43	Thủ tục Công chứng Hợp đồng ủy quyền của vợ, chồng cho nhau về việc nhờ mang thai hộ	Điều 96 Luật Hôn nhân và gia đình	Các tổ chức hành nghề công chứng	
44	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	Điều 96 Luật Hôn nhân và gia đình	Các tổ chức hành nghề công chứng	
45	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận về việc cấp dưỡng	Điều 108 và 109 Luật Hôn nhân và gia đình	Các tổ chức hành nghề công chứng	
46	Thủ tục Công chứng di chúc	Điều 56 Luật Công chứng	Các tổ chức hành nghề công chứng	
47	Thủ tục Nhận lưu giữ di chúc	Điều 60 Luật Công chứng	Các tổ chức hành nghề công chứng	
48	Thủ tục Công chứng hủy bỏ di chúc	Điều 56 Luật Công chứng	Các tổ chức hành nghề công chứng	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
49	Thủ tục Công chứng sửa đổi, bổ sung di chúc	Điều 56 Luật Công chứng	Các tổ chức hành nghề công chứng	
50	Thủ tục Công chứng văn bản từ chối nhận di sản	Điều 59 Luật Công chứng	Các tổ chức hành nghề công chứng	
51	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	Điều 57 Luật Công chứng	Các tổ chức hành nghề công chứng	
52	Thủ tục Công chứng văn bản khai nhận di sản	Điều 58 Luật Công chứng	Các tổ chức hành nghề công chứng	
53	Thủ tục Công chứng Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá	Điều 35 Nghị định 17/2010/NĐ-CP	Các tổ chức hành nghề công chứng	
54	Thủ tục Công chứng Hợp đồng mua bán tài sản	Điều 428 Bộ luật dân sự	Các tổ chức hành nghề công chứng	
55	Thủ tục Công chứng Hợp đồng mượn tài sản	Điều 512 Bộ luật dân sự	Các tổ chức hành nghề công chứng	
56	Thủ tục Công chứng Hợp đồng thuê tài sản	Điều 480 Bộ luật dân sự	Các tổ chức	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
			hành nghề công chứng	
57	Thủ tục Công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản	- Điều 343 Bộ Luật dân sự - Điều 9 Nghị định 163/2006/NĐ-CP	Các tổ chức hành nghề công chứng	
58	Thủ tục Công chứng Hợp đồng đặt cọc	Điều 358 Bộ Luật dân sự	Các tổ chức hành nghề công chứng	
59	Thủ tục Công chứng Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp	Điều 49, 79, 140 Luật Doanh nghiệp	Các tổ chức hành nghề công chứng	
60	Thủ tục Công chứng Hợp đồng ủy quyền, quản lý nhà ở	Điều 93 Luật Nhà ở	Các tổ chức hành nghề công chứng	
61	Thủ tục Công chứng Hợp đồng ủy quyền	Điều 55 Luật Công chứng	Các tổ chức hành nghề công chứng	
62	Thủ tục Công chứng bản dịch	Điều 61 Luật Công chứng	Các tổ chức hành nghề công chứng	
63	Thủ tục Cấp bản sao văn bản công chứng	Điều 65 Luật Công chứng	Các tổ chức hành nghề	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
			công chứng	
64	Thủ tục Công chứng Hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch	Điều 51 Luật Công chứng	Các tổ chức hành nghề công chứng	
65	Thủ tục Công chứng văn bản hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Điều 51 Luật Công chứng	Các tổ chức hành nghề công chứng	
66	Thủ tục Công chứng văn bản chấm dứt hợp đồng, giao dịch (thỏa thuận chấm dứt và đơn phương chấm dứt)	Điều 424 Bộ luật dân sự	Các tổ chức hành nghề công chứng	
IV. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC				
67	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc	Điều 4, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.	Các cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc	
68	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	- Luật Công chứng năm 2014; - Điểm a, Khoản 1, Điều 5, Điều 18 - 22 Nghị định 23/2015/NĐ-CP;	Các tổ chức hành nghề công chứng	
69	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cả trong trường hợp chứng	Điểm b, Khoản 1, Điều 5, Điều 23 đến Điều 25	Các tổ chức hành nghề	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	Nghị định 23/2015/NĐ-CP;	công chứng	
V. LĨNH VỰC TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH				
70	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Điều 9 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP; - Điều 11, 12, 14, 15, 16 Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCP; - Khoản 3, Điều 1, Mẫu 01a, Mẫu 01b, Mẫu 01c Thông tư liên tịch số 08/2013/TTLT-BTP-BTC-TTCP; - Mẫu 02, Mẫu 03 Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCP; 	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ở Thành phố	
71	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 10 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP; - Điều 17 Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCP; 	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ở Thành phố	
72	Thủ tục trả lại tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 50 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Điều 11 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP; 	Cơ quan ra Quyết định hủy bỏ Quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên,	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
			tịch thu tài sản	
73	Thủ tục chi trả tiền bồi thường	- Điều 54 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Điều 7 Thông tư liên tịch số 71/2012/TTLT-BTC-BTP;	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ở Thành phố	
74	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	- Mục 2 Chương 3 Luật Khiếu nại; - Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 17, 18, 23 Thông tư liên tịch số 06/2014/TTLT-BTP-TTTP-BQP; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ở Thành phố	
75	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	- Mục 3 Chương 3 Luật Khiếu nại; - Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 17, 18, 19, 22, 23 Thông tư liên tịch số 06/2014/TTLT-BTP-TTTP-BQP - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP;	Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu/Bộ trưởng quản lý ngành, lĩnh vực (đối với trường hợp Chủ tịch UBND Thành phố là người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
			đầu)	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN:

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH				
1	Thủ tục Điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp không phân biệt độ tuổi	- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP.	UBND quận, huyện	
2	Thủ cấp bản sao hộ tịch từ sổ hộ tịch	- Điều 60, 61 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Điều 4, 16, 17 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP; - Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP; - Thông tư số 03/2008/TT-BTP.	UBND quận, huyện	
3	Thủ tục Cấp lại bản chính Giấy khai sinh	- Điều 62, 63 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP.	UBND quận, huyện	
4	Thủ tục Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi	- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND quận, huyện	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
5	Thủ tục điều chỉnh nội dung trong sổ hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác (không phải sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh)	- Điều 36, 37, 38 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND quận, huyện	
II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC				
6	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc	Điều 4 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP;	Cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc	
7	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận;	Điểm a, Khoản 1, Điều 5, Điều 18 - 22 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.	Phòng Tư pháp	
8	Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	Điểm b, Khoản 1, Điều 5, Điều 23 đến Điều 25 Nghị định 23/2015/NĐ-CP.	Phòng Tư pháp	
9	Thủ tục Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang	Điểm c, Khoản 1, Điều 5, Điều 30 - 32 Nghị định 23/2015/NĐ-CP	Phòng Tư pháp	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	tiếng nước ngoài (trường hợp người dịch là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp)			
10	Thủ tục Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài (trường hợp người dịch không phải là công tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp)	Điểm c, Khoản 1, Điều 5, Điều 30 - 32 Nghị định 23/2015/NĐ-CP	Phòng Tư pháp	
11	Thủ tục Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Điều 38 Nghị định 23/2015/NĐ-CP	Phòng Tư pháp nơi đã chứng thực hợp đồng, giao dịch trước đây	
12	Thủ tục Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Điều 39 Nghị định 23/2015/NĐ-CP	Phòng Tư pháp nơi đã chứng thực hợp đồng, giao dịch trước đây	
13	Thủ tục Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Điều 40 Nghị định 23/2015/NĐ-CP	Phòng Tư pháp nơi đã chứng thực hợp đồng, giao dịch trước đây	
III. LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ				
14	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức	Điều 17, 18 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.	- UBND quận, huyện;	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải		- UBND phường, xã, thị trấn.	
IV. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC, PHÁP LUẬT				
15	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật	- Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; - Điều 3, 4, 5 Thông tư số 21/2013/TT-BTP; - Điều 6 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND.	- UBND quận, huyện; - Phòng Tư pháp.	
16	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật	- Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật - Điều 7, 8, 9 Thông tư 21/2013/TT-BTP; - Điều 7 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND.	- UBND quận, huyện; - Phòng Tư pháp.	
V. LĨNH VỰC TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH				
17	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	- Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Điều 9 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP; - Điều 11, 12, 14, 15, 16 Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTTP; - Khoản 3, Điều 1, Mẫu 01a, Mẫu 01b, Mẫu 01c Thông tư liên tịch số 08/2013/TTLT-BTP-BTC-TTTP; - Mẫu 02, Mẫu 03 Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTTP;	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ở quận, huyện	
18	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường	- Điều 10 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP; - Điều 17 Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		BTP-BTC-TTCP;	ở quận, huyện	
19	Thủ tục trả lại tài sản	- Điều 50 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Điều 11 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP;	Cơ quan ra Quyết định hủy bỏ Quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu tài sản	
20	Thủ tục chi trả tiền bồi thường	- Điều 54 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Điều 7 Thông tư liên tịch số 71/2012/TTLT-BTC-BTP;	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ở quận, huyện	
21	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	- Mục 2 Chương 3 Luật Khiếu nại; - Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 17, 18, 23 Thông tư liên tịch số 06/2014/TTLT-BTP-TTCP-BQP; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ở quận, huyện	
22	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	- Mục 3 Chương 3 Luật Khiếu nại; - Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 17, 18, 19, 22, 23 Thông tư liên tịch số 06/2014/TTLT-BTP-TTCP-BQP - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP;	Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu	

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ:

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH				
1	Thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi và bổ sung hộ tịch cho mọi trường hợp không phân biệt độ tuổi	- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND phường, xã, thị trấn.	
2	Thủ tục Điều chỉnh những nội dung trong sổ đăng ký hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác, không phải sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh	- Điều 39 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP;	UBND phường, xã, thị trấn.	
3	Thủ tục Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP;	UBND phường, xã, thị trấn.	
4	Thủ tục Đăng ký kết hôn trong nước	- Điều 17, 18 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Điều 5, 6, 8, 9 Nghị định số 77/2001/NĐ-CP;	UBND phường, xã, thị trấn.	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		- Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP;		
5	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho con ngoài giá thú	- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP;	UBND phường, xã, thị trấn.	
6	Thủ tục Đăng ký khai sinh trong nước	- Điều 15 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND phường, xã, thị trấn.	
7	Thủ tục Đăng ký khai tử trong nước	- Điều 23 Nghị định 158/2005/NĐ-CP; - Nghị định 06/NĐ-CP; - Thông tư 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND phường, xã, thị trấn.	
8	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	- Điều 65, 66, 67 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, - Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP, - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND phường, xã, thị trấn.	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
9	Thủ tục Đăng ký chấm dứt việc giám hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 31 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, - Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP, - Thông tư 01/2008/TT-BTP - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP. 	UBND phường, xã, thị trấn.	
10	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 16 Nghị định số 158/NĐ-CP; - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP. 	UBND phường, xã, thị trấn.	
11	Thủ tục Đăng ký lại việc kết hôn	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 46, 47, 48 Nghị định số 158/NĐ-CP, - Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 06//2012/NĐ-CP, - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP. 	UBND phường, xã, thị trấn.	
12	Thủ tục Đăng ký lại việc sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 46, 47, 48 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, - Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP, - Thông tư số 01/2008/TT-BTP - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP. 	UBND phường, xã, thị trấn.	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
13	Thủ tục Đăng ký lại việc tử	- Điều 46, 47, 48 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, - Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP, - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND phường, xã, thị trấn.	
14	Thủ tục Đăng ký thay đổi việc giám hộ	- Điều 31 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND phường, xã, thị trấn.	
15	Thủ tục Đăng ký việc giám hộ	- Điều 29, 30, 31 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND phường, xã, thị trấn.	
16	Thủ tục Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con	- Điều 32, 33, 34 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND phường, xã, thị trấn.	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
17	Thủ tục Đăng ký nuôi con nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 25, 26, 27 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP. 	UBND phường, xã, thị trấn.	
18	Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Điều 46, 47, 48 Nghị định 158/NĐ-CP; - Khoản 13 Điều 1 Nghị định 06/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP. 	UBND phường, xã, thị trấn.	
19	Thủ tục Cấp Giấy báo tử cho người chết tại địa phương nhưng thường trú ở địa phương khác	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP. 	UBND phường, xã, thị trấn.	
20	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 27, 28, 29 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Mục 2, Nghị định 126/NĐ-CP; - Điều 9 Thông tư 2a/TT-BTP; - Thông tư số 189/2012/TT-BTC. 	UBND phường, xã, thị trấn.	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
21	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho trẻ sơ sinh chết	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 23 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP. 	UBND phường, xã, thị trấn.	
22	Thủ tục Đăng ký khai tử cho người bị Tòa án tuyên bố là đã chết	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP. 	UBND phường, xã, thị trấn.	
23	Thủ tục xóa tên trong sổ đăng ký khai tử cho người bị Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố là đã chết	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP. 	UBND phường, xã, thị trấn.	
24	Thủ tục bổ sung, sửa đổi giấy khai sinh của con nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Điều 28 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 10, Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; 	UBND phường, xã, thị trấn.	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		- Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.		
25	Thủ tục Đăng ký khai sinh quá hạn	- Điều 43, 44, 45 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, - Khoản 12, Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP, - Thông tư 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND phường, xã, thị trấn.	
26	Thủ tục Đăng ký khai tử quá hạn	- Điều 43, 44, 45 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 12, Điều 1 Nghị định số 06/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND phường, xã, thị trấn.	
27	Thủ tục Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam đang cư trú tại nước ngoài có yêu cầu xác định tình trạng hôn nhân trong thời gian ở nước ngoài	- Điều 65, 66, 67 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Khoản 20, Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP; - Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.	UBND phường, xã, thị trấn.	
28	Thủ tục Công nhận con chung của vợ chồng	- Điều 9 Nghị định số 77/2001/NĐ-CP; - Nghị định số 158/2005/NĐ-CP; - Điều 1 Nghị định số 06/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BTP;	UBND phường, xã, thị trấn.	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		- Thông tư số 05/2012/TT-BTP; - Thông tư số 09b/2013/TT-BTP.		
29	Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi	- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.	UBND phường, xã, thị trấn.	
30	Thủ tục liên thông: Đăng ký khai sinh - Đăng ký Bảo hiểm y tế-Hộ khẩu thường trú	- Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND; - Quyết định số 25/ 2013/QĐ-UBND.	UBND phường, xã, thị trấn.	
31	Thủ tục liên thông: Đăng ký khai sinh - Đăng ký Bảo hiểm y tế	- Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND; - Quyết định số 25/ 2013/QĐ-UBND.	UBND phường, xã, thị trấn.	
32	Thủ tục liên thông: Đăng ký khai tử- Xóa đăng ký hộ khẩu thường trú	- Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND; - Quyết định số 25/ 2013/QĐ-UBND.	UBND phường, xã, thị trấn.	
II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC				
33	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc	Điều 4 Nghị định 23/2015/NĐ-CP;	Cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc	
34	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam	Điểm a, Khoản 2, Điều 5, Điều 18 - 22 Nghị định 23/2015/NĐ-CP;	UBND phường, xã, thị trấn.	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	cấp hoặc chứng nhận			
35	Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	Điểm b, Khoản 2, Điều 5, Điều 23 đến Điều 25 Nghị định 23/2015/NĐ-CP;	UBND phường, xã, thị trấn.	
36	Thủ tục Chứng thực di chúc	Điều 658 Bộ Luật Dân sự; Điểm e, Khoản 2, Điều 5 Nghị định 23/2015/NĐ-CP;	UBND phường, xã, thị trấn.	
37	Thủ tục Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản là động sản	- Điểm g, Khoản 2, Điều 5 Nghị định 23/2015/NĐ-CP; - Điều 2 Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND;	UBND phường, xã, thị trấn.	
38	Thủ tục Chứng thực chữ ký Giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	- Điểm b, Khoản 2, Điều 5, Điều 23 đến Điều 25 Nghị định 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT;	UBND phường, xã, thị trấn nơi người bán, cho, tặng xe đăng ký thường trú	
39	Thủ tục Chứng thực chữ ký Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân (áp dụng cả	- Điểm b, Khoản 2, Điều 5, Điều 23 đến Điều 25 Nghị định 23/2015/NĐ-CP;	UBND phường, xã, thị	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	- Điểm g, Khoản 1, Điều 10 Thông tư số 15/2014/TT-BCA;	trần.	
40	Thủ tục Chứng thực chữ ký Giấy lĩnh thay lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng bằng tiền mặt (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	Điểm đ Khoản 4 Điều 23 Quyết định số 488/QĐ-BHXH.	UBND phường, xã, thị trấn nơi người ủy quyền cư trú	
41	Thủ tục Chứng thực chữ ký Giấy ủy quyền về việc đứng tên kê khai hưởng chính sách theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng	- Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT/BQP-BLĐT BXH-BTC; - Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg;	UBND phường, xã, thị trấn nơi người ủy quyền cư trú	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	thực không thể ký, điểm chỉ được)			
42	Thủ tục Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Điều 38 Nghị định 23/2015/NĐ-CP	UBND phường, xã, thị trấn nơi đã chứng thực hợp đồng, giao dịch trước đây	
43	Thủ tục Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Điều 39 Nghị định 23/2015/NĐ-CP	UBND phường, xã, thị trấn nơi đã chứng thực hợp đồng, giao dịch trước đây	
44	Thủ tục Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Điều 40 Nghị định 23/2015/NĐ-CP	UBND phường, xã, thị trấn nơi đã chứng thực hợp đồng, giao dịch trước đây	
III. LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ				
45	Thủ tục bầu hòa giải viên	Điều 12 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN	UBND phường, xã, thị trấn.	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
46	Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải	Điều 13 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN	UBND phường, xã, thị trấn.	
47	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Điều 14 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN	UBND phường, xã, thị trấn.	
48	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Điều 15 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.	UBND phường, xã, thị trấn.	
IV. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT				
49	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	- Điều 37, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; - Nghị định 28/2013/NĐ-CP; - Điều 11, 12 Thông tư 21/2013/TT-BTP; - Điều 8 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND.	UBND phường, xã, thị trấn.	
50	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; - Nghị định 28/2013/NĐ-CP; - Điều 13, 14 Thông tư 21/2013/TT-BTP; - Điều 9 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND.	UBND phường, xã, thị trấn.	
V. LĨNH VỰC TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH				

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
51	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Điều 9 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP; - Điều 11, 12, 14, 15, 16 Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCP; - Khoản 3, Điều 1, Mẫu 01a, Mẫu 01b, Mẫu 01c Thông tư liên tịch số 08/2013/TTLT-BTP-BTC-TTCP; - Mẫu 02, Mẫu 03 Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCP; 	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ở phường, xã, thị trấn.	
52	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 10 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP; - Điều 17 Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCP; 	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ở phường, xã, thị trấn.	
53	Thủ tục trả lại tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 50 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Điều 11 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP; 	Cơ quan ra Quyết định hủy bỏ Quyết định thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu tài sản.	
54	Thủ tục chi trả tiền bồi thường	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 54 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Điều 7 Thông tư liên tịch số 71/2012/TTLT-BTC-BTP; 	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ở phường, xã, thị	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
			trần.	
55	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Mục 2 Chương 3 Luật Khiếu nại - Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 17, 18, 23 Thông tư liên tịch số 06/2014/TTLT-BTP-TTCP-BQP; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP; 	Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ở phường, xã, thị trấn.	